

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phú.

2. Ông Lê Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1994. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn V, xã L huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn S, sinh năm 1989. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:** Chị C và anh Nguyễn S quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/01/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến tháng 02/2018

thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, anh S nhiều lần uống rượu bia say về nhà đánh đập, xúc phạm chị C, không chăm lo cuộc sống gia đình; vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau, không có cuộc sống chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Hai bên gia đình nội ngoại đã khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị C xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn S nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị C trình bày vợ chồng có một người con chung là Nguyễn Lương Gia B, sinh ngày 05/9/2017 hiện đang sống với chị C. Chị C yêu cầu giao con chung cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu anh Nguyễn S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị C đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao Trích lục kết hôn ghi họ và tên vợ Nguyễn Thị C, họ và tên chồng Nguyễn S; bản sao giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị C; bản sao sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Nguyễn D; bản sao giấy khai sinh Nguyễn Lương Gia B.

**** Đối với bị đơn anh Nguyễn S:***

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Nguyễn S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Nguyễn S, nhưng anh S đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh tại nhà anh Nguyễn S thông qua ông Nguyễn D (là cha đẻ của anh S) thể hiện: Các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp, hòa giải thì gia đình đã nhận và thông báo trực tiếp cho anh S. Do bận công việc nên anh S không đến Tòa án được. Về quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh S thì ông Nguyễn D cũng thấy rằng mâu thuẫn đã trầm trọng, hiện vợ chồng đã sống ly thân và không còn mối quan hệ gia đình hai bên, cũng như quan tâm tới nhau. Bản thân ông D cũng đã khuyên can nhưng chị C, anh S vẫn không khắc phục được, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn S không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/5/2019 và tại phiên tòa hôm nay (30/5/2019) làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; giải quyết:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn S.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Lương Gia B cho chị Nguyễn Thị C chăm sóc nuôi dưỡng và buộc anh Nguyễn S phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/1tháng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh S được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị C không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Sau khi hoãn phiên tòa sơ thẩm ngày 23/5/2019, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập của Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Nguyễn S, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa cho người thân của anh S. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị C và anh S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị C và anh S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, anh S không quan tâm chăm sóc, xây dựng hạnh phúc gia đình, có hành vi xúc phạm chị C; dẫn đến chị C và anh S đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Nay chị C cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh S là không thể khắc phục được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn S có một người con chung tên là Nguyễn Lương Gia B, sinh ngày 05/9/2017, xét thấy hiện nay cháu B đang sống với chị C. Để đảm bảo cho người con chung được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần thì cần giao cháu B cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị C yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào chi phí sinh hoạt tại địa bàn nơi chị C và cháu B sinh sống, đối chiếu với mức lương cơ sở tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Do vậy, nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị C và buộc anh Nguyễn S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức 1.000.000đ/1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn S phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C. Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn S.

2. Về việc nuôi con: Giao người con chung là Nguyễn Lương Gia B, sinh ngày 05/9/2017 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn S có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Lương Gia B đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định

tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006465, ngày 01/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đường sự;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Ngọc Tú